

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT**
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012

Được lập bởi:

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MỸ
Số A12 Lô X1 Đường Liên cơ, Mỹ Đình, Hà Nội
Tel: (84-4) 3763 4618 Fax: (84-4) 3763 4617
Email: contact-aahanoi@aa.com.vn
Website: <http://www.aa.com.vn>



MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT	04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 18

3302
RÁC
KẾ
TÍNH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt (gọi tắt là “Công ty”), đi vào hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001024 ngày 23/10/2006 và thay đổi lần thứ hai ngày 09/08/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Nghệ An cấp.

Giấy phép hoạt động kinh doanh số 19/UBCK-GPHĐKD ngày 27/10/2006 và giấy phép điều chỉnh số 210/UBCK-GP ngày 16/03/2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính: Tầng 3, số 117, Đường Quang Trung, TP Vinh, Nghệ An.

Các thành viên tham gia góp vốn của Công ty đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2012 bao gồm:

<u>Bên góp vốn</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>Số tiền (VNĐ)</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>
Tổ chức			
Ngân hàng TMCP Bắc Á	400.000	4.000.000.000	10,67%
Cá nhân			
Thái Thị Nga	400.000	4.000.000.000	10,67%
Thái Hương	400.000	4.000.000.000	10,67%
Đặng Thái Nguyên	400.000	4.000.000.000	10,67%
Thái Doãn Sơn	400.000	4.000.000.000	10,67%
Trương Thị Kim Thư	400.000	4.000.000.000	10,67%
Hồ Thị Vinh	400.000	4.000.000.000	10,67%
Nguyễn Hà Nam	200.000	2.000.000.000	5,33%
Nguyễn Trọng Trung	320.000	3.200.000.000	8,53%
Thái Thị Lương	280.000	2.800.000.000	7,46%
Thái Doãn Lộc	100.000	1.000.000.000	2,66%
Trần Thanh Tùng	50.000	500.000.000	1,33%
Cộng	3.750.000	37.500.000.000	100%

Theo Giấy phép được cấp, hoạt động chính của Công ty như sau:

Môi giới chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Tư vấn tài chính và đầu tư tài chính./.

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị điều hành Công ty trong kỳ hoạt động gồm:

Bà Thái Thị Nga	Chủ tịch
Bà Thái Hương	Phó Chủ tịch
Ông Đặng Thái Nguyên	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty trong kỳ hoạt động gồm:

Ông Đặng Thái Nguyên	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Tâm	Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến 30/06/2012 được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ (AA).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của

Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/06/2012. Công ty tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2013.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2012 cũng như Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/06/2012. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chế độ kế toán hiện hành;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán, ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ theo các quy định hiện hành của Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty. Vì vậy, thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết sẽ thực hiện công bố thông tin theo quy định về chứng khoán và các văn bản liên quan về chứng khoán hiện hành.

Phê duyệt báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Ngoại trừ các vấn đề được trình bày trong Báo cáo soát xét (nếu có), báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2012, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc



Đặng Thái Nguyên
Tổng Giám đốc

Nghệ An, ngày 15 tháng 07 năm 2012



CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MỸ

Hãng chuyên ngành về Kiểm toán - Tư vấn - Định giá

Địa chỉ : Số A12, Lô X1 Đường Liên Cơ, Mỹ Đình, Hà Nội

Tel : (84-4) 3763 4618 Fax: (84-4) 3763 4617

Email : contact-aahanoi@aa.com.vn

Website : http://www.aa.com.vn

Số: 60-2012/BCSX/VSC-AA-Hanoi

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIỆT

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt (gọi tắt là “Công ty”) cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày, được lập ngày 15/07/2012. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MỸ (AA)



Nguyễn Hồng Chuẩn
Giám đốc

Chứng chỉ KTV số: 1214/KTV

Trần Thị Ánh
Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số: 1098/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Mẫu số: B01-CTCK
Đơn vị tính: VNĐ

STT	TÀI SẢN	Mã số	Ghi chú	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		39.797.798.268	39.279.779.844
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	37.276.214.738	37.061.471.186
1	Tiền	111		11.776.078.117	8.764.190.976
2	Các khoản tương đương tiền	112		25.500.136.621	28.297.280.210
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.902.835.951	1.754.218.484
1	Phải thu của khách hàng	131		-	-
2	Trả trước cho người bán	132		-	200.000.000
3	Phải thu hoạt động giao dịch CK	135	5	1.538.530.000	1.221.750.000
4	Các khoản phải thu khác	138	6	364.305.951	332.468.484
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi(*)	139		-	-
IV	Hàng tồn kho	140		-	-
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		618.747.579	464.090.174
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		153.000.018	-
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3	Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		-	-
4	Tài sản ngắn hạn khác	158	7	465.747.561	464.090.174
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.958.371.546	2.905.889.894
I	Tài sản cố định	220		1.772.980.542	2.043.124.809
1	Tài sản cố định hữu hình	221	8	1.189.806.990	226.620.377
	- Nguyên giá	222		3.048.164.941	1.869.427.203
	- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(1.858.357.951)	(1.642.806.826)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3	Tài sản cố định vô hình	227	9	583.173.552	445.806.532
	- Nguyên giá	228		1.009.527.750	809.527.750
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(426.354.198)	(363.721.218)
II	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			-	1.370.697.900
III	Tài sản dài hạn khác	260		1.185.391.004	862.765.085
1	Chi phí trả trước dài hạn	261		173.820.121	34.746.413
2	Tiền gửi tại Trung tâm giao dịch CK	262		-	-
3	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	10	1.011.570.883	828.018.672
4	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		42.756.169.814	42.185.669.738

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012
(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Ghi chú	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A	NỢ PHẢI TRẢ	300		1.802.923.362	1.794.771.577
I	Nợ ngắn hạn	310		1.783.561.137	1.775.409.352
1	Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2	Phải trả người bán	312		38.687.642	9.697.714
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	153.799.324	77.740.291
4	Phải trả người lao động	315		877.800	115.003.106
5	Phải trả hoạt động giao dịch CK	320	12	892.953.033	711.793.267
6	Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		2.205.090	1.089.090
7	Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		-	-
8	Các khoản phải trả, phải nộp NH khác	323		67.811.251	101.474.109
9	Quỹ khen thưởng phúc lợi	324		627.226.997	758.611.775
10	Thanh toán giao dịch CK của nhà ĐT	325		-	-
II	Nợ dài hạn	330		19.362.225	19.362.225
1	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		19.362.225	19.362.225
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		40.953.246.452	40.390.898.161
I	Vốn chủ sở hữu	410	13	40.953.246.452	40.390.898.161
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		37.500.000.000	37.500.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413		282.324.078	251.618.989
4	Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5	Quỹ đầu tư phát triển	417		282.324.078	251.618.989
6	Quỹ dự phòng tài chính	418		282.324.078	251.618.989
7	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.606.274.218	2.136.041.194
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		42.756.169.814	42.185.669.738

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

Số tt	Nội dung	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	Tài sản cố định thuê ngoài	-	-
2	Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	-	-
3	Tài sản nhận ký cược	-	-
4	Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
5	Ngoại tệ các loại	-	-
6	Chứng khoán lưu ký	121.918.220.000	109.560.810.000
	<i>Trong đó</i>		
	<i>Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước</i>	<i>118.988.960.000</i>	<i>105.304.050.000</i>
	<i>Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước</i>	<i>134.460.000</i>	<i>134.460.000</i>
	<i>Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước</i>	<i>2.794.800.000</i>	<i>4.122.300.000</i>
7	Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	-	-
8	Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	-	-
9	Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	-	-
10	Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá	-	-

Kế toán trưởng



Nguyễn Hà Nam

Nghệ An, ngày 15 tháng 07 năm 2012



Đặng Thái Nguyên

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01 đến 30/06/2012

Mẫu số: B02-CTCK
Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Ghi chú	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	01	15	2.983.644.666	2.466.828.567
Trong đó:				
Doanh thu môi giới chứng khoán cho người đầu tư	01.1		880.148.695	613.448.685
Doanh thu lưu ký chứng khoán cho người đầu tư	01.2		16.364.010	-
Doanh thu về vốn kinh doanh	01.3		2.087.131.961	1.802.546.548
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.4		-	50.833.334
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		2.983.644.666	2.466.828.567
4. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	11	16	1.693.348.688	1.700.249.612
5. Lợi nhuận gộp về hoạt động kinh doanh	20		1.290.295.978	766.578.955
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	17	524.203.929	626.426.348
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		766.092.049	140.152.607
8. Thu nhập khác	31		-	-
9. Chi phí khác	32		1.820.259	3.287.932
10. Lợi nhuận khác	40		(1.820.259)	(3.287.932)
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		764.271.790	136.864.675
12. Lợi nhuận tính thuế (Lợi nhuận trước thuế - lãi đầu tư)			764.271.790	136.864.675
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		153.218.410	27.372.935
14. Lợi nhuận sau thuế	60		611.053.380	109.491.740
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		163	29

Kế toán trưởng



Nguyễn Hà Nam

Nghệ An, ngày 15 tháng 07 năm 2012

Tổng Giám đốc



Đặng Thái Nguyên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01 đến 30/06/2012
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mẫu số: B03-CTCK
Đơn vị tính: VND

Số TT	Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1	Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	01	1.091.167.301
2	Tiền chi hoạt động kinh doanh	02	(729.911.205)
3	Tiền chi nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	05	(183.552.211)
4	Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	06	1.240.317.139.270
5	Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	07	(1.240.946.892.791)
6	Tiền thu bán chứng khoán phát hành	08	150.783.860
7	Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán	09	(57.840.000)
8	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	10	(272.706.632)
9	Tiền chi trả cho người lao động	11	(568.392.794)
10	Tiền chi trả lãi vay	12	(48.418.055)
11	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	13	(74.654.427)
12	Tiền thu khác	14	275.898.595
13	Tiền chi khác	15	(533.443.739)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.580.822.828)
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1	Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và TSDH khác	21	(39.800.000)
2	Tiền thu từ TL, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-
3	Tiền chi cho vay, mua các CC nợ của đơn vị khác	23	-
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	-
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.835.366.380
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.795.566.380
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	9.500.000.000
2	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(9.500.000.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	214.743.552
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	37.061.471.186
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	37.276.214.738

Kế toán trưởng



Nguyễn Hà Nam

Nghệ An, ngày 15 tháng 07 năm 2012
Tổng Giám đốc



Đặng Thái Nguyên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số: B09-CTCK

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 18 là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt (gọi tắt là “Công ty”), đi vào hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001024 ngày 23/10/2006 và thay đổi lần thứ hai ngày 09/08/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Nghệ An cấp.

Giấy phép hoạt động kinh doanh số 19/UBCK-GPHĐKD ngày 27/10/2006 và giấy phép điều chỉnh số 210/UBCK-GP ngày 16/03/2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính: Tầng 3, số 117, Đường Quang Trung, TP Vinh, Nghệ An.

Các thành viên tham gia góp vốn của Công ty đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2012 bao gồm:

Bên góp vốn	Số cổ phần	Số tiền (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
Tổ chức			
Ngân hàng TMCP Bắc Á	400.000	4.000.000.000	10,67%
Cá nhân			
Thái Thị Nga	400.000	4.000.000.000	10,67%
Thái Hương	400.000	4.000.000.000	10,67%
Đặng Thái Nguyên	400.000	4.000.000.000	10,67%
Thái Doãn Sơn	400.000	4.000.000.000	10,67%
Trương Thị Kim Thư	400.000	4.000.000.000	10,67%
Hồ Thị Vinh	400.000	4.000.000.000	10,67%
Nguyễn Hà Nam	200.000	2.000.000.000	5,33%
Nguyễn Trọng Trung	320.000	3.200.000.000	8,53%
Thái Thị Lương	280.000	2.800.000.000	7,46%
Thái Doãn Lộc	100.000	1.000.000.000	2,66%
Trần Thanh Tùng	50.000	500.000.000	1,33%
Cộng	3.750.000	37.500.000.000	100%

Theo Giấy phép được cấp, hoạt động chính của Công ty như sau:

Môi giới chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Tư vấn tài chính và đầu tư tài chính./.

2. Những điểm quan trọng trong chính sách kế toán

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

a) Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

b) Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính quy định chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng với công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính

Báo cáo tài chính được lập bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định về kế toán hiện hành tại Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký sổ cái.
Năm tài chính: Từ ngày 01/01 đến 31/12 năm dương lịch.

c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

d) Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá phát sinh được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

e) Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

f) Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

g) Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ, và các chi phí phát sinh được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên và lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh. Các khoản chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh. Sử dụng phương pháp đường thẳng trong ba (3) năm. Lợi thế thương mại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười (10) năm.

h) Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập cho các khoản đầu tư chứng khoán có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường hoặc có khả năng không thể thu hồi tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

i) Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với tỷ lệ khấu hao theo quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25	Năm
- Máy móc thiết bị	03 - 08	Năm
- Thiết bị văn phòng	06	Năm
- Phương tiện vận tải	03 - 05	Năm
- Tài sản khác	06	Năm

Tài sản cố định vô hình

Mọi khoản chi phí thực tế mà doanh nghiệp đã chi ra thoả mãn đồng thời cả bốn điều kiện ghi nhận tài sản cố định hữu hình, mà không hình thành tài sản cố định hữu hình thì được coi là tài sản cố định vô hình. Những khoản chi phí không đồng thời thoả mãn cả bốn tiêu chuẩn nêu trên thì được hạch toán trực tiếp hoặc được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh của doanh nghiệp

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm kế toán ...

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Lãi lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả kinh doanh.

j) Ghi nhận doanh thu

Doanh thu môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư

Doanh thu môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư là khoản phí giao dịch chứng khoán mà công ty chứng khoán được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư.

Doanh thu về vốn kinh doanh

Doanh thu về vốn kinh doanh là doanh thu từ lãi tiền gửi, phí ứng trước tiền bán.

Doanh thu khác

Doanh thu khác bao gồm: doanh thu hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán, tư vấn doanh nghiệp, đấu giá và chuyển nhượng quyền bán chứng khoán.

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

k) Thuế

Theo Thông tư số 100/2004/TT-BTC ngày 20/10/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với lĩnh vực chứng khoán và Thông tư số 72/2006/TT-BTC ngày 10/08/2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 100/2004/TT-BTC ngày 20/10/2004 và Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 24/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, các nghĩa vụ thuế của Công ty như sau:

Thuế giá trị gia tăng: Các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán không chịu thuế giá trị gia tăng

Các loại thuế, phí và lệ phí khác được tính và nộp theo quy định hiện hành tại Việt Nam.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

l) Thuê hoạt động

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

m) Các bên liên quan

Nhóm tổ chức, cá nhân liên quan tới một tổ chức hoặc một cá nhân là tổ chức, cá nhân trong các trường hợp sau:

- Là công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của tổ chức đó;
- Là tổ chức kinh tế mà cá nhân đó nắm giữ từ 30% vốn điều lệ trở lên;
- Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của cá nhân đó.

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Tiền mặt	63.576.274	7.071.105
Tiền gửi ngân hàng	11.712.501.843	8.700.614.702
Các khoản tương đương tiền	25.500.136.621	28.297.280.210
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng tại NH Bắc Á	25.500.136.621	28.297.280.210
Cộng	37.276.214.738	37.061.471.186

4. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ	Giá trị giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ
Của Công ty Chứng khoán	-	-

Của nhà đầu tư		25.459.700	229.862.790.000
<i>Cổ phiếu</i>		25.459.700	229.862.790.000
Cộng		25.459.700	229.862.790.000
5. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán			
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
		VND	VND
Phải thu hoạt động ứng trước tiền bán T+3		1.538.530.000	1.221.750.000
Cộng		1.538.530.000	1.221.750.000
6. Phải thu khác			
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
		VND	VND
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn		10.000.000	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn phải thu		119.972.581	108.443.570
Phải thu khác		234.333.370	-
Tiền chi khen thưởng cho cán bộ nhân viên		-	224.024.914
Cộng		364.305.951	332.468.484
7. Tài sản ngắn hạn khác			
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
		VND	VND
Tạm ứng		465.747.561	464.090.174
Cộng		465.747.561	464.090.174
8. Tài sản cố định hữu hình			
		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	1.751.563.822	117.863.381	1.869.427.203
Tăng trong kỳ	1.178.737.738	-	1.178.737.738
<i>Mua sắm mới</i>	39.800.000	-	39.800.000
<i>XDCB chuyển giao</i>	1.138.937.738	-	1.138.937.738
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	2.930.301.560	117.863.381	3.048.164.941
Giá trị hao mòn			
Số dư đầu năm	1.524.943.445	117.863.381	1.642.806.826
Tăng trong kỳ	215.551.125	-	215.551.125
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	215.551.125	-	215.551.125
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1.740.494.570	117.863.381	1.858.357.951
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	226.620.377	-	226.620.377
Số dư cuối kỳ	1.189.806.990	-	1.189.806.990

9. Tài sản cố định vô hình

		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
Khoản mục	Tài sản vô hình khác	Cộng	
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	809.527.750	809.527.750	

Khoản mục	Tài sản vô hình khác	Cộng
Mua trong kỳ	200.000.000	200.000.000
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	1.009.527.750	1.009.527.750
Giá trị hao mòn		
Số dư đầu năm	363.721.218	363.721.218
Khấu hao trong kỳ	62.632.980	62.632.980
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	426.354.198	426.354.198
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	445.806.532	445.806.532
Số dư cuối kỳ	583.173.552	583.173.552

10. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VNĐ	Từ 01/01/2011 đến 31/12/2011 VNĐ
Số dư đầu kỳ (gốc và lãi)	828.018.672	445.277.146
Nộp bổ sung	183.552.211	287.736.960
Lãi phân bổ trong kỳ (*)	-	95.004.566
Cộng	1.011.570.883	828.018.672

(*) Lãi tiền gửi và lãi phát vay phân bổ trong kỳ kế toán từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 là lãi phân bổ của năm 2010 và 2011.

Trong kỳ từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 Công ty chưa ghi nhận lãi tiền gửi và lãi phát vay phân bổ từ khoản Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán do chưa nhận được công văn phân bổ từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	122.137.662	43.573.679
Thuế thu nhập cá nhân	31.552.769	34.166.612
Thuế khác	108.893	-
Cộng	153.799.324	77.740.291

12. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	Số cuối kỳ VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Phải trả cho khách hàng giao dịch chứng khoán	716.836.000	651.850.000
Phải trả cho các Sở giao dịch, Trung tâm LKCKVN	105.276.531	-
Phải trả cho tổ chức, cá nhân khác	70.840.502	59.943.267
Cộng	892.953.033	711.793.267

13. Nguồn vốn Chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VNĐ

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	1	2	3	4	5	6
Số dư đầu năm trước	37.500.000.000	251.618.989	251.618.989	251.618.989	1.521.939.413	39.776.796.380

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	1	2	3	4	5	6
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	614.101.781	614.101.781
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	37.500.000.000	251.618.989	251.618.989	251.618.989	2.136.041.194	40.390.898.161
Số dư đầu kỳ	37.500.000.000	251.618.989	251.618.989	251.618.989	2.136.041.194	40.390.898.161
- Tăng vốn trong kỳ	-	30.705.089	30.705.089	30.705.089	611.053.380	703.168.647
- Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	(140.820.356)	(140.820.356)
Số dư cuối kỳ	37.500.000.000	282.324.078	282.324.078	282.324.078	2.606.274.218	40.953.246.452

b. Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu

Bên góp vốn	Cuối kỳ VNĐ	Đầu năm VNĐ	Tỷ lệ %
Tổ chức			
Ngân hàng TMCP Bắc Á	4.000.000.000	4.000.000.000	10,67%
Cá nhân			
Thái Thị Nga	4.000.000.000	4.000.000.000	10,67%
Thái Hương	4.000.000.000	4.000.000.000	10,67%
Đặng Thái Nguyên	4.000.000.000	4.000.000.000	10,67%
Thái Doãn Sơn	4.000.000.000	4.000.000.000	10,67%
Trương Thị Kim Thư	4.000.000.000	4.000.000.000	10,67%
Hồ Thị Vinh	4.000.000.000	4.000.000.000	10,67%
Nguyễn Hà Nam	2.000.000.000	2.000.000.000	5,33%
Nguyễn Trọng Trung	3.200.000.000	3.200.000.000	8,53%
Thái Thị Lương	2.800.000.000	2.800.000.000	7,46%
Thái Doãn Lộc	1.000.000.000	1.000.000.000	2,66%
Trần Thanh Tùng	500.000.000	500.000.000	1,33%
Cộng	37.500.000.000	37.500.000.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với các Chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này VNĐ	Kỳ trước VNĐ
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	37.500.000.000	37.500.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	37.500.000.000	37.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

14. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VNĐ	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VNĐ
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	880.148.695	613.448.685
Doanh thu lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư	16.364.010	-
Doanh thu hoạt động tư vấn		50.833.334

Doanh thu về vốn kinh doanh	2.087.131.961	1.802.546.548
Cộng	2.983.644.666	2.466.828.567
15. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VNĐ	VNĐ
Chi phí môi giới chứng khoán	719.446.666	667.065.745
Chi phí nhân viên, hoa hồng môi giới	289.091.73	314.105.852
Khấu hao tài sản cố định	278.184.106	251.130.637
Chi phí lãi vay	48.418.055	
Chi phí khác	358.208.131	467.947.378
Cộng	1.693.348.688	1.700.249.612
16. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nhân viên quản lý	256.026.852	336.199.754
Chi phí vật liệu quản lý	4.068.027	9.994.300
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	142.458.250	137.888.139
Chi phí khác	118.650.800	139.344.155
Cộng	524.203.929	626.426.348

THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

17. Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong kỳ, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á là cổ đông sáng lập như sau:

<u>Nghiệp vụ</u>	<u>Đầu năm</u>	<u>Phát sinh nợ</u>	<u>Phát sinh có</u>	<u>Cuối kỳ</u>
Thuê văn phòng	-	153.600.000	153.600.000	-
Tiền gửi ngân hàng	33.948.069.132	272.556.653.802	270.924.229.480	35.580.493.454

18. Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính

a) Chính sách kế toán

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, đầu tư tài chính dài hạn và các tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản vay ngắn hạn và dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các loại công cụ tài chính

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2012	01/01/2012
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.276.214.738	37.061.471.186
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.902.835.951	1.754.218.484
Đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	-
Tài sản tài chính khác	465.747.561	464.090.174
Cộng	39.644.798.250	39.279.779.844

Công nợ tài chính	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2012	01/01/2012
Các khoản vay	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	1.802.923.362	1.794.771.577
Chi phí phải trả	-	-
Cộng	1.802.923.362	1.794.771.577

b) Nghiệp vụ phòng ngừa rủi ro

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty chưa áp dụng các biện pháp về phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

c) Giá trị hợp lý

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản và công nợ tài chính tại ngày 30/06/2012 do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế

d) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Trong kỳ kế toán, Công ty không có bất kỳ rủi ro trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác nào.

e) Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát được đối với số vốn mà Công ty tin tưởng rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn, cụ thể:

Tài sản tài chính

Tại 30/06/2012	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.276.214.738	-	37.276.214.738
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.902.835.951	-	1.902.835.951
Đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	-	-
Tài sản tài chính khác	465.747.561	-	465.747.561
Cộng	39.644.798.250	-	39.644.798.250

Tại 01/01/2012

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.061.471.186	-	37.061.471.186
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.754.218.484	-	1.754.218.484

Tài sản tài chính khác	464.090.174	-	464.090.174
Cộng	39.279.779.844	-	39.279.779.844
Công nợ tài chính			
Tại 30/06/2012	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Cộng
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	1.802.923.362	-	1.802.923.362
Chi phí phải trả	-	-	-
Cộng	1.802.923.362	-	1.802.923.362
Tại 01/01/2012	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Cộng
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	1.794.771.577	-	1.794.771.577
Chi phí phải trả	-	-	-
Cộng	1.794.771.577	-	1.794.771.577

f) Rủi ro thị trường

Rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá là rủi ro liên quan đến lỗ phát sinh từ biến động của tỷ giá trao đổi ngoại tệ. Trong kỳ kế toán Công ty không có giao dịch gốc ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Công ty quản trị rủi ro này bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi. Trong kỳ kế toán, Công ty có phát sinh một số hợp đồng vay vốn với ngân hàng với kỳ hạn dưới một tháng, các khoản vay đều được tắt toán trong hoặc trước hạn. Tại thời điểm 30/06/2012 Công ty không còn dư nợ vay với tổ chức tài chính nào.

Rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết. Trong kỳ kế toán Công ty không có khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động kinh doanh và chịu rủi ro khi có sự biến động tăng giá của giá bán hàng hóa. Công ty chưa áp dụng các biện pháp phòng ngừa rủi ro của nghiệp vụ này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

19. Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Kreston ACA Việt Nam, báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2011 do Công ty được trình bày nhằm mục đích so sánh.

Kế toán trưởng



Nguyễn Hà Nam

Nghệ An, ngày 15 tháng 07 năm 2012
Tổng Giám đốc



Đặng Thái Nguyên